

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Chủ đầu tư: Trung tâm y tế Khu vực Trà Ôn.
- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, khí y tế phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Trà Ôn giai đoạn 2026 – 2028.
- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, khí y tế phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Trà Ôn giai đoạn 2026 – 2028.
- Nguồn vốn: Nguồn thu từ dịch vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế khu vực Trà Ôn năm 2026, 2027, 2028.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu chung

- Toàn bộ hàng hóa mới 100% chưa sử dụng, các kiện hàng nguyên trước khi giao nhận đều phải còn nguyên đai, nguyên kiện (Nhà thầu phải có cam kết nộp kèm trong E-HSĐT).
- Đóng gói, vận chuyển: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (Nhà thầu phải có cam kết nộp kèm trong E- HSĐT).
- Hạn sử dụng còn lại tính từ thời điểm giao hàng hóa (Nhà thầu phải có cam kết nộp kèm trong E- HSĐT):
 - + ≥ 12 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng ≥ 24 tháng.
 - + $\geq \frac{1}{2}$ hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng < 24 tháng.
 - + $\geq \frac{1}{3}$ hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng < 6 tháng.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa phải đáp ứng theo đề xuất của đơn vị khi hoàn thiện ký hợp đồng.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
1	PP2600052097	Băng bột bó (10cm x 2,7m)	Kích thước: $\geq 10\text{cm} \times 2,7\text{m}$. Thành phần: bột thạch cao mịn trắng trên nền bông/gạc	Cuộn	300
2	PP2600052098	Băng bột bó 15cm x 2,7m)	Kích thước: $\geq 15\text{cm} \times 2,7\text{m}$. Thành phần: bột thạch cao mịn trắng trên nền bông/gạc	Cuộn	300
3	PP2600052099	Băng bột bó (7,5cm x 2,7m)	Kích thước: $\geq 7,5\text{cm} \times 2,7\text{m}$. Thành phần: bột thạch cao mịn trắng trên nền bông/gạc	Cuộn	300
4	PP2600052100	Băng cá nhân y tế	Chất liệu vải không đàn dẹt, phủ keo Acrylic/keo Oxyd kẽm. Kích thước: $\geq 1.9\text{cm} \times 6\text{cm}$.	Miếng	12.000
5	PP2600052101	Băng keo chỉ thị nhiệt	Kích thước: $\geq 12\text{mm} \times 50\text{m}$.	Cuộn	20
6	PP2600052102	Băng keo lụa y tế 1,25cm x 5m	Băng: vải lụa dễ xé ngang dọc, phủ keo Acrylic/Keo: Oxyd kẽm, độ dính $\geq 1.8\text{N/cm}$, kích thước $\geq 1,25\text{cm} \times 5\text{m}$	Cuộn	1.500
7	PP2600052103	Băng keo lụa y tế 1,25cm x 5m	Băng: vải lụa phủ keo Acrylic/Keo: Oxyd kẽm, kích thước $\geq 1,25\text{cm} \times 5\text{m}$, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cuộn	1.500
8	PP2600052104	Băng keo lụa y tế 2.5cm x 5m	Băng: vải lụa dễ xé ngang dọc, phủ keo Acrylic/Keo: Oxyd kẽm, độ dính $\geq 1.8\text{N/cm}$, kích thước $\geq 2,5\text{cm} \times 5\text{m}$	Cuộn	3.000
9	PP2600052105	Băng keo lụa y tế 2.5cm x 5m	Băng: vải lụa phủ keo Oxyd kẽm, kích thước $\geq 2,5\text{cm} \times 5\text{m}$, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cuộn	3.000
10	PP2600052106	Băng thun 3 móc Kích thước: 10cm x 4,5m	Kích thước: $\geq 10\text{cm} \times 4,5\text{m}$. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân.... • Băng màu trắng đến trắng ngà, không lẫn các sợi khác và các tạp chất cứng, vải mềm mịn, có độ đàn hồi cao. Băng thoáng mát, dễ chịu. • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng. • Có 3 móc cài bằng nhôm hoặc thép không ghi để cố định băng.	Cuộn	300
11	PP2600052107	Băng vải cuộn y tế	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%. Kích thước: rộng (9-10)cm x dài (2-2,5)m.	Cuộn	15.000
12	PP2600052108	Bao cao su	Cao su tự nhiên, an toàn sinh học, đóng gói riêng lẻ, kín khí.	Cái	1.000

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
13	PP2600052109	Bình huỷ kim an toàn 1,5L	Làm bằng nhựa HDPE, dung tích 1,5 lít có logo cảnh báo.	Cái	100
14	PP2600052110	Bình huỷ kim an toàn 6,8L	Làm bằng nhựa HDPE, dung tích 6,8 lít có logo cảnh báo.	Cái	600
15	PP2600052111	Bộ điều kinh Karman	Bộ sản phẩm gồm: Xilanh và piston: 1 bộ. Ống hút: 2 ống. Dầu bôi trơn: 1 lọ. Đóng gói tiệt trùng từng bộ.	Bộ	400
16	PP2600052112	Bộ rửa dạ dày các cỡ	Hỗ trợ việc súc rửa dạ dày bằng hệ thống khép kín. Làm từ mù cao su tự nhiên. Được đóng gói và tiệt trùng riêng lẻ trong từng túi. Có các cỡ; chiều dài phù hợp trẻ em và người lớn.	Bộ	200
17	PP2600052113	Bơm tiêm 50 ml dùng cho bơm tiêm điện	Dung tích ≥ 50 ml, có chia vạch bằng ml, phù hợp với các loại bơm tiêm điện. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Cái	500
18	PP2600052114	Bơm tiêm cho ăn 50ml	Bằng nhựa, dung tích 50ml, vô trùng tương thích với dây cho ăn, không chứa độc tố DEHP. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Cái	100
19	PP2600052115	Bóng bóp giúp thở Ampu các cỡ	Gồm: bóng bóp, mặt nạ, dây nối, các cỡ (sơ sinh, trẻ em và người lớn).	Cái	30
20	PP2600052116	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp đơn sợi số 4/0 kim tam giác	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp đơn sợi polyamid số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8c ≥ 16 mm, vô trùng.	Tép	200
21	PP2600052117	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đa sợi số 3/0 kim tam giác	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đa sợi số 3/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8c ≥ 26 mm, vô trùng.	Tép	3.000
22	PP2600052118	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đa sợi số 4/0 kim tam giác	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đa sợi số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8c ≥ 18 mm, vô trùng.	Tép	1.500
23	PP2600052119	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đa sợi số 5/0 kim tam giác	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đa sợi số 5/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8c ≥ 16 mm, vô trùng.	Tép	200
24	PP2600052120	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đa sợi số 6/0 kim tam giác	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đa sợi số 6/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8c ≥ 13 mm, vô trùng.	Tép	200
25	PP2600052121	Chỉ khâu tiêu tự nhiên đơn sợi số 3/0, kim tròn 26mm	Chỉ khâu tiêu tự nhiên đơn sợi số 3/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2c ≥ 26 mm.	Tép	200
26	PP2600052122	Chỉ khâu tiêu tự nhiên đơn sợi số 4/0, kim tròn 26mm	Chỉ khâu tiêu tự nhiên đơn sợi số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2c ≥ 26 mm.	Tép	200

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
27	PP2600052123	Cồn 70 độ	Cồn y tế (70% ± 0,5%), không màu	Lít	1.500
28	PP2600052124	Cồn 90 độ	Cồn y tế (90% ± 0,5%), không màu	Lít	200
29	PP2600052125	Đầu côn lớn (xanh)	Dung tích: ≥ 1000μl, các loại (có khóa, không khóa)	Cái	15.000
30	PP2600052126	Đầu côn nhỏ (vàng)	Dung tích: 200μl, các loại (có khóa, không khóa)	Cái	5.000
31	PP2600052127	Dây 3 chia (Chạc nối các loại) có dây các cỡ	Bộ khóa chia 3 + dây nối.	Cái	300
32	PP2600052128	Dây cho ăn các loại, các cỡ	Tương thích đầu ống bơm cho ăn các cỡ 5-18Fr, 2 loại có nắp và không nắp	Sợi	100
33	PP2600052129	Dây garo	Co giãn tốt, có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bên chắc, dễ thao tác hoặc có khoá nhựa. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần.	Sợi	500
34	PP2600052130	Dây hút đờm các số	Các số từ 5-18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Độ dài ≥ 500mm. Gồm 2 loại có nắp và không có nắp.	Sợi	400
35	PP2600052131	Dây nối máy bơm tiêm	Chất liệu làm bằng nhựa, có khóa kết nối, khóa bảo vệ, chống xoắn, dài ≥ 140cm.	Cái	500
36	PP2600052132	Dây truyền dịch 20 giọt	Có bầu đếm giọt, tỷ lệ giọt chuẩn: ≥ 20 giọt/ml, màng lọc, đầu khóa, có cổng tiêm thuốc, tiết trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	25.000
37	PP2600052133	Dung dịch Carbol Fuchsin	Dung dịch pha sẵn Carbol Fuchsin dùng để nhuộm vi khuẩn AFB trong phương pháp nhuộm kháng acid, vi khuẩn bắt màu đẹp, dễ phân biệt	ml	50.000
38	PP2600052134	Dung dịch Glutaraldehyde 2% dùng cho khử khuẩn mức độ cao	Hoạt chất Glutaraldehyde 2%. Dung dịch đệm có pH từ 6 - 8 với sự hiện diện của chất xúc tác bề mặt. Tiêu chuẩn ISO. Can ≥ 5 lít.	Can	100
39	PP2600052135	Dung dịch Ortho-phthalaldehyde (OPA) dùng cho khử khuẩn mức độ cao	Hoạt chất Ortho-Phthalaldehyde: 0,55% và thành phần trợ: 99,45%. Can ≥ 5 lít.	Can	100
40	PP2600052136	Dung dịch nhuộm nền xanh Metylen	Dung dịch pha sẵn Xanh Metylen dùng để nhuộm nền	ml	50.000

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
			trong phương pháp nhuộm kháng acid		
41	PP2600052137	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Ethanol (60- 80%), Chlorhexidine gluconat 0.5%, Isopropanol, chất bảo vệ, dưỡng da và hương liệu, chai \geq 500ml.	Chai	250
42	PP2600052138	Dung dịch khử khuẩn bề mặt	Thành phần: chứa \geq 6,5% Didecyldimethyl ammonium chloride + \geq 0,074% Chlorhexidine digluconate, chai \geq 1 lít.	Chai	300
43	PP2600052139	Dung dịch tẩy Acid - Alcohol	Acid hydrochloric 3% trong cồn 95%, hoặc Acid sulfuric 20% trong cồn 95%	ml	10.000
44	PP2600052140	Gạc dẫn lưu 1cm x 300cm x 4L	Tiệt trùng bằng khí EO, được làm từ vải không dệt, khả năng thấm hút cao và nhanh, bề mặt mịn màng, mềm mại, thân thiện môi trường. Tiêu chuẩn ISO 13485.	Gói	100
45	PP2600052141	Gạc phẫu thuật 5cm x 7cm x 12 lớp, tiệt khuẩn	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%. Kích thước: 5cm x 7cm x 12 lớp. Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	30.000
46	PP2600052142	Gạc phẫu thuật ổ bụng 15cm x 60cm x 6 lớp vô trùng cản quang	Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Kích thước 15cm x 60cm x 6 lớp, cản quang. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas.	Miếng	3.000
47	PP2600052143	Gạc y tế khổ 0,8m	Làm từ 100% cotton, có khả năng thấm hút cao, không gây dị ứng.	Mét	4.000
48	PP2600052144	Găng tay ngăn các cỡ (có bột)	Găng tay khám bệnh dùng một lần, Chất liệu cao su tự nhiên, an toàn sinh học, không gây kích ứng da, có bột, chiều dài \geq 240mm, chiều rộng các cỡ (XS, S, M, L, XL).	Đôi	200.000
49	PP2600052145	Găng tay ngăn các cỡ (không bột)	Găng tay khám bệnh dùng một lần, Chất liệu cao su tự nhiên, an toàn sinh học, không gây kích ứng da, không bột, chiều dài \geq 240mm, chiều rộng các cỡ (XS, S, M, L).	Đôi	10.000
50	PP2600052146	Găng tay vô trùng có bột các cỡ	Chất liệu cao su tự nhiên, phủ bột, tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói từng đôi một, chiều dài \geq	Đôi	8.000

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
			280mm, chiều rộng các cỡ (6.5, 7, 7.5, 8).		
51	PP2600052147	Gel điện tim	Dẫn truyền tín hiệu tốt, không chứa muối, không chứa formaldehyde, không gây kích ứng da. Chai ≥ 250 ml.	Chai	20
52	PP2600052148	Gel siêu âm	Gel trong suốt, không màu hoặc màu xanh, không mùi. Tan trong nước và dễ rửa sạch bằng nước thường. Can ≥ 5 lít.	Can	60
53	PP2600052149	Giấy điện tim 12 kênh	Khổ A4, (205 - 210)mm x (295-300)mm, sọc đỏ. Xấp ≥ 150 tờ.	Xấp	600
54	PP2600052150	Giấy điện tim 3 kênh 63mmx30m	Giấy điện tim làm từ bột giấy, không chứa hóa chất độc hại, in rõ chữ, độ bền cao, kích thước ≥ 63 mmx30m	Cuộn	200
55	PP2600052151	Giấy điện tim 3 kênh 80mmx20m	Giấy điện tim làm từ bột giấy, không chứa hóa chất độc hại, in rõ chữ, độ bền cao, kích thước 80mmx20m	Cuộn	400
56	PP2600052152	Giấy in nhiệt 57mm	Giấy in cho máy sinh hoá, huyết học, kích thước 57mm x ≥ 20 m.	Cuộn	300
57	PP2600052153	Gòn không thấm nước	100% bông xơ tự nhiên, màu vàng, không thấm nước	Kg	20
58	PP2600052154	Gòn thấm nước (bông thấm)	Được sản xuất từ bông xơ thiên nhiên 100% cotton, có độ thấm hút cao. Bông trắng, không mùi, xơ bông mảnh, mềm mại, trắng mịn không có xơ ngoại lai, không lẫn tạp chất. Không độc tố và không gây dị ứng. Tiêu chuẩn ISO.	Kg	900
59	PP2600052155	Hoá chất định nhóm máu ABO (Anti-A)	Hoá chất định nhóm máu hệ ABO chứa kháng thể đơn dòng Anti-A - Độ đặc hiệu $\geq 99\%$, - Độ nhạy $\geq 99\%$, - Độ chính xác $\geq 99\%$ - Lọ ≥ 10 ml.	Lọ	25
60	PP2600052156	Hoá chất định nhóm máu ABO (Anti-B)	Hoá chất định nhóm máu hệ ABO chứa kháng thể đơn dòng Anti-B - Độ đặc hiệu $\geq 99\%$, - Độ nhạy $\geq 99\%$, - Độ chính xác $\geq 99\%$ - Lọ ≥ 10 ml.	Lọ	25
61	PP2600052157	Hoá chất định nhóm máu Rh	Hoá chất định nhóm máu hệ Rh chứa hỗn hợp kháng thể đơn	Lọ	20

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
			dòng IgM và IgG Anti-D - Độ đặc hiệu $\geq 99\%$, - Độ nhạy $\geq 99\%$, - Độ chính xác $\geq 99\%$ - Lọ $\geq 10\text{ml}$.		
62	PP2600052158	Khăn giấy y tế	Giấy mềm, thấm hút tốt, bề mặt mịn, không bụi, không rơi bột giấy, không gây kích ứng da, không chứa chất tẩy độc hại, kích thước $\geq 40 \times 50 \text{ cm}$	Kg	200
63	PP2600052159	Khẩu trang y tế kháng khuẩn 3 lớp	Chất liệu từ vải không dệt kháng khuẩn, quai thun mềm co giãn.	Cái	150.000
64	PP2600052160	Khí oxy y tế	Hàm lượng oxy $\geq 99,6\%$ Nén trong bình có thể tích 6m ³ ; 1,5m ⁴	m ³	10.000
65	PP2600052161	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần các cỡ	Thân kim làm bằng thép không gỉ y tế, tiệt trùng bằng khí EO, dạng vi. - Đường kính kim 0,12mm-0,50mm. - Chiều dài kim: 15mm - 150mm	Cái	300.000
66	PP2600052162	Kim khâu da + cơ cong, tam giác, tròn các cỡ	Được sản xuất với kích thước tiêu chuẩn có thể tương thích với các loại chỉ phẫu thuật, xuyên qua lớp mô tốt, không gây kích ứng, nhiễm trùng. Kim tròn, tam giác Các cỡ: 7x17, 8x20, 9x24.	Cây	4.000
67	PP2600052163	Kim lấy thuốc các cỡ	Chất liệu: Kim chất liệu thép không gỉ. Các số từ 18G-25G	Cái	15.000
68	PP2600052164	Kim luân tĩnh mạch an toàn các cỡ	- Phần thân được làm bằng chất liệu nhựa y tế. - Kim được làm từ thép không gỉ, đầu kim vát 3 mặt, tự khóa kim ngay khi rút ra. Cỡ kim 20G, 22G, 24G. - Có cánh có công tiêm, có 4 đường cản quang ngầm. - Nắp Luer lock để ngăn chặn các ống thông khi không sử dụng. Khóa luer ở đuôi ống catheter kết nối với mọi loại dây truyền, bơm tiêm, khóa 3 chạc. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	20.000
69	PP2600052165	Kim nha ngắn 27G; 0.4 x 21mm	Kim 27G; $\geq 0.4 \times 21\text{mm}$.	Cái	10.000

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
70	PP2600052166	Kim tròn chích máu thử đường máu mao mạch	Kim nằm trong vỏ nhựa bảo vệ, tiệt trùng từng cái bằng khí EO. Cỡ kim: $\geq 28G$ Phù hợp cho tất cả các loại bút lấy máu.	Cái	100.000
71	PP2600052167	Lam kính nhám	Lam kính có cạnh mài + phần mờ, dày ~ 1 mm, kích thước $25,4 \times 76,2$ mm. Hộp ≥ 72 miếng.	Hộp	110
72	PP2600052168	Lam kính trơn	Lam kính tiêu chuẩn, trơn, dày ~ 1 mm, kích thước $25,4 \times 76,2$ mm. Hộp ≥ 72 miếng.	Hộp	30
73	PP2600052169	Lamelle	Kính trắng, trong, nhìn rõ. Hộp ≥ 100 miếng.	Hộp	15
74	PP2600052170	Lọ đựng mẫu đàm	Chất liệu nhựa y tế, an toàn sinh học, có nắp vặn kín, chống rò rỉ, có nhãn ghi thông tin bệnh nhân, dung tích ≥ 50 ml.	Lọ	5.000
75	PP2600052171	Lọ đựng nước tiểu	≥ 55 ml, nắp đậy, có nhãn, không chất bảo quản.	Lọ	5.000
76	PP2600052172	Lưỡi dao nhọn số 11	Lưỡi dao mổ được làm bằng thép carbon không rỉ.	Cái	1.500
77	PP2600052173	Mặt nạ khí dung các cỡ	Chất liệu nhựa PVC y tế nguyên sinh, trắng trong, không độc hại. Được tiệt trùng bằng khí EO. Bề mặt nhẵn mịn, không gây dị ứng và không gây tổn thương. Không chứa DEHP. Các cỡ: S, M, L, XL	Cái	2.500
78	PP2600052174	Mặt nạ thở oxy có túi dự trữ các cỡ	Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, có túi oxy. Các cỡ: S, M, L, XL.	Cái	500
79	PP2600052175	Máy huyết áp cơ người lớn	Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 \sim 300 mmHg. Độ chính xác ± 3 mmHg. Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá có độ bền cao. Vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao. Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá. Đồng hồ áp lực hiển thị áp suất chuẩn (không bị lệch điểm không). Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE.	Cái	200
80	PP2600052176	Máy huyết áp cơ trẻ em	Đồng hồ đo có quả bóp làm bằng chất liệu cao su, mặt đồng hồ	Cái	20

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
			được làm bằng kính chịu lực, độ chính xác cao. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE.		
81	PP2600052177	Nón giấy phẫu thuật tiệt trùng	Có viền thun.	Cái	500
82	PP2600052178	Nút chặn đuôi kim lùn	Có công tiêm thuốc, không chứa latex, đóng gói vô trùng.	Cái	15.000
83	PP2600052179	Ống canul hút thai số 4,5,6	Chất liệu: nhựa PE. Dạng ống nhựa tròn. Ống hút có kích thước dài 20-22cm, 1 đầu bo tròn có vát 2 lỗ hút. Các cỡ 4,5,6. Tiệt trùng.	Cái	2.000
84	PP2600052180	Ống khí quản đê lưới các số	Chất liệu nhựa y tế, đóng gói riêng từng cái, tiệt trùng bằng khí EO, có các cỡ 0,1,2,3,4.	Cái	100
85	PP2600052181	Ống lấy máu 5ml có nắp	Ống nghiệm nhựa PS, trắng trong, nắp nhựa màu trắng, có nhãn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	2.500
86	PP2600052182	Ống ly tâm đáy nhọn (Ống Falcon)	Ống nhựa PP, nắp nhựa PE, dung tích chứa tối đa 50ml với vạch chia màu trắng trên nền ống trong suốt, khi chứa sẽ dễ quan sát và đóng mẫu	Cái	1.500
87	PP2600052183	Ống nghe	Tai nghe có độ khuếch đại lớn, không đau tai. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Cái	200
88	PP2600052184	Ống nghiệm Heparin lithium 2ml, tiệt trùng	Ống nghiệm nhựa, nắp nhựa màu đen. Hóa chất bên trong là Heparin Lithium ở dạng khô kháng đông cho 2ml máu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Cái	100.000
89	PP2600052185	Ống nghiệm lấy máu kháng đông EDTA 2ml chứa dung dịch chất chống đông K2/K3	Ống nghiệm nhựa, nắp nhựa màu xanh dương. Hóa chất bên trong là EDTA K2/K3 kháng đông cho 2ml máu, được đóng trên hộp để thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Cái	60.000
90	PP2600052186	Ống nghiệm tách huyết thanh, hạt trụ, tiệt trùng	Ống nghiệm nhựa, dung tích 4-6 ml, nắp nhựa màu đỏ. Hóa chất bên trong là hạt nhựa Polystyrene, được đóng trên hộp để thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	20.000
91	PP2600052187	Ống nội khí quản sử dụng 1 lần có bóng và không bóng chèn các số	Có sợi cản quang, có bóng và không bóng chèn các số từ 2,5 - 9	Bộ	200
92	PP2600052188	Ống thở oxy 2 gọng các cỡ	Chất liệu nhựa PVC y tế, dây dài ≥ 180 cm, không gây kích ứng.	Cái	2.000

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
			Đóng gói riêng từng cái và tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn: ISO 13485. Các cỡ: sơ sinh, trẻ em, người lớn.		
93	PP2600052189	Ống tiêm 1 ml nhựa dùng 1 lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm nhựa 1ml, kim các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	25.000
94	PP2600052190	Ống tiêm 10 ml nhựa dùng 1 lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm nhựa 10ml, kim các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	40.000
95	PP2600052191	Ống tiêm 20 ml nhựa dùng 1 lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm nhựa 20ml, kim các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	300
96	PP2600052192	Ống tiêm 3 ml nhựa dùng 1 lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm nhựa 3ml, kim các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	100.000
97	PP2600052193	Ống tiêm 5 ml nhựa dùng 1 lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm nhựa 5ml, kim các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	10.000
98	PP2600052194	Phim khô laser 20x25cm sử dụng cho máy Fuji	Phim khô laser DI-HL. Kích cỡ: 20x25 cm. Tương thích với máy in phim khô laser Fujifilm Drypix.	Tám	20.000
99	PP2600052195	Que đê lưỡi gỗ (tiệt trùng)	Làm bằng gỗ tự nhiên được sản xuất và sấy khô, tiệt trùng theo quy trình khép kín, màu gỗ tự nhiên không qua xử lý hóa chất.	Que	50.000
100	PP2600052196	Que gòn vô trùng trong xét nghiệm	Thân làm bằng gỗ hoặc nhựa dài 15-17cm, 1 đầu gòn, tiệt trùng, đựng trong từng ống nghiệm.	Que	500
101	PP2600052197	Que thử đường huyết mao mạch	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sau khi trúng thầu nhà thầu cam kết cung cấp máy tương thích để sử dụng cùng với que trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng; máy có đầy đủ hồ sơ theo quy định về quản lý thiết bị y tế (CO, CQ, tờ khai hải quan, hồ sơ công bố tiêu chuẩn thiết bị, bảng kết quả phân loại thiết bị y tế, ...).	Test	85.000
102	PP2600052198	Test nhanh chẩn đoán giang mai	Định tính phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người - Độ nhạy $\geq 99\%$ - Độ đặc hiệu $\geq 99\%$	Test	200

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
103	PP2600052199	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Định tính phát hiện kháng thể kháng virus viêm gan C trong huyết thanh, huyết tương hay máu toàn phần người - Độ nhạy $\geq 99\%$, - Độ đặc hiệu $\geq 99\%$	Test	300
104	PP2600052200	Test nhanh định tính kháng thể bề mặt virus viêm gan B (HBsAb)	Định tính phát hiện sự có mặt HBsAb trong mẫu huyết thanh, huyết tương hay máu toàn phần người - Độ nhạy $\geq 98\%$. - Độ đặc hiệu $\geq 99\%$	Test	200
105	PP2600052201	Test nhanh phát hiện Alpha-Fetoprotein (AFP)	Định tính phát hiện AFP trong mẫu máu toàn phần, huyết tương hoặc huyết thanh - Ngưỡng phát hiện: 10ng/ml - Độ nhạy: $\geq 99\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$	Test	400
106	PP2600052202	Test nhanh phát hiện H.Pylori dạ dày bằng phản ứng urease (CLO test)	Test nhanh phát hiện Helicobacter pylori dựa trên hoạt tính urease, sử dụng mẫu sinh thiết dạ dày; cho kết quả bằng đổi màu chỉ thị pH, dễ đọc bằng mắt thường, không cần thiết bị hỗ trợ.	Test	500
107	PP2600052203	Test nhanh phát hiện hồng cầu trong phân (Fecal Occult Blood Test – FOBT)	Định tính phát hiện máu ẩn trong phân người. - Độ nhạy: $\geq 99,5\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$	Test	400
108	PP2600052204	Test nhanh phát hiện kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg)	Định tính phát hiện kháng nguyên HBs (HBsAg) trong huyết thanh, huyết tương hay máu toàn phần người - Độ nhạy $\geq 99\%$. - Độ đặc hiệu $\geq 99\%$	Test	1.000
109	PP2600052205	Test nhanh phát hiện kháng nguyên Carcinoembryonic (CEA)	Định tính phát hiện nhanh kháng nguyên CEA trong mẫu máu toàn phần, huyết tương hoặc huyết thanh - Ngưỡng phát hiện: 5ng/ml - Độ nhạy: $\geq 98\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$	Test	400
110	PP2600052206	Test nhanh phát hiện kháng nguyên e của virus viêm gan B (HBeAg)	Định tính phát hiện kháng nguyên HBe (HBeAg) trong huyết thanh, huyết tương hay máu toàn phần người - Độ nhạy: $\geq 98,5\%$. - Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$.	Test	300

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
111	PP2600052207	Test nhanh phát hiện kháng nguyên Prostate-Specific (PSA)	Định tính phát hiện kháng nguyên PSA trong mẫu máu toàn phần, huyết tương hoặc huyết thanh - Độ nhạy: $\geq 98\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$	Test	400
112	PP2600052208	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng HIV	Định tính phát hiện kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 ở huyết thanh, huyết tương hay máu toàn phần người - Độ nhạy $\geq 99,9\%$ - Độ đặc hiệu $\geq 99,5\%$	Test	5.000
113	PP2600052209	Test nhanh tìm kháng nguyên Dengue NS1	Định tính phát hiện kháng nguyên Dengue virus NS1. - Độ nhạy $\geq 92\%$. - Độ đặc hiệu $\geq 95\%$.	Test	3.000
114	PP2600052210	Test nhanh tìm kháng thể Dengue IgM/IgG	Định tính phát hiện kháng thể Dengue IgM/IgG ở huyết thanh, huyết tương hay máu toàn phần người. - Độ nhạy: $\geq 92\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$	Test	100
115	PP2600052211	Test nhanh phát hiện định tính 5 chất gây nghiện trong nước tiểu (Amphetamin, Marijuana, Morphin, Codein, Heroin)	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời 5 chất gây nghiện Amphetamin (AMP), Marijuana (THC), Morphin (MOP), Codein, Heroin trong nước tiểu Nồng độ ngưỡng phát hiện AMP là 1000ng/ml; THC là 50 ng/ml; MOP là 300 ng/mL; Codein là 300 ng/mL; Heroin là 10 ng/mL Độ chính xác : AMP $\geq 98\%$; THC $\geq 98\%$; MOP $\geq 95\%$; Codeine $\geq 95\%$; Heroin $\geq 98\%$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Test	1.500
116	PP2600052212	Test nhanh phát hiện định tính 5 chất gây nghiện trong nước tiểu (Amphetamin, Marijuana, Morphin, Codein, Heroin)	Test nhanh xét nghiệm định tính 5 chất gây nghiện Amphetamin (AMP), Marijuana (THC), Morphin (MOP), Codein (COD), Heroin (HER) trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: AMP: 500 ng/mL, THC: 50 ng/mL, MOP: 300ng/mL, COD: 300ng/mL, HER: 10 ng/mL. - Các thông số kỹ thuật: + Độ nhạy: $\geq 99,9\%$ + Độ đặc hiệu: $\geq 99,9\%$ + Độ chính xác: $\geq 99,9\%$	Test	1.500

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
			Tiêu chuẩn ISO 13485.		
117	PP2600052213	Test thử nước tiểu 10 thông số	Test thử nước tiểu phân tích 10 thông số: Bilirubin, Blood, Glucose, Ketones, Leucocytes, Nitrite, pH, Protein, Specific Gravity/Density, Urobilinogen.	Test	2.000
118	PP2600052214	Thông (sonde) dạ dày có nắp và không nắp các số	Làm từ nhựa PVC y tế, có nắp và không nắp, các số từ 6 - 18Fr	Chiếc	100
119	PP2600052215	Thông tiểu 2 nhánh (sonde Foley), các số	Ống thông tiểu có 2 nhánh làm từ cao su tự nhiên, thân phủ silicon, đủ các số từ 8Fr tới 26Fr, van 1 chiều.	Sợi	500
120	PP2600052216	Thông tiểu 1 nhánh (sonde Nelaton) các số	Làm từ cao su thiên nhiên, các cỡ từ 8-22Fr	Sợi	200
121	PP2600052217	Túi nước tiểu 2000ml, có dây treo	Làm từ nhựa PVC y tế, dung tích 2000ml, khóa vận đóng, xả dính liền, xoay 90 độ.	Cái	500
122	PP2600052218	Viên khử khuẩn Sodium Dichloroisocyanurate	Chứa 50% Sodium Dichloroisocyanurate	Viên	20.000
123	PP2600052219	Vòng tránh thai chứa đồng (TCu)	Vòng TCu gồm một khung hình chữ T, có diện tích đồng 380 ± 23 mm ² , trên khung chữ T ở phần chân được buộc một sợi dây để hỗ trợ kiểm tra và tháo vòng, chiều dài cánh tay ngang khoảng 32mm và chiều dài cánh tay dọc khoảng 36mm, sản phẩm vô trùng.	Cái	500
124	PP2600052220	Phim khô laser 26x36 cm sử dụng cho máy Fuji	Phim khô laser DI-HL. Kích cỡ: $\geq 20 \times 25$ cm. Tương thích với máy in phim khô laser Fujifilm Drypix.	Tám	12.000

Ghi chú:

- Yêu cầu nhà thầu phải dịch toàn bộ tài liệu gốc sử dụng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt Nam (nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch). Trường hợp Chủ đầu tư, Tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu dịch sai, tùy mức độ, Chủ đầu tư, Tổ chuyên gia có thể loại HSDT của nhà thầu.

- Nhà thầu có thể chào các hàng hóa “tương đương” có mức độ đáp ứng bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu trong E-HSMT.

- “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng hoặc công năng sử dụng là tương đương với các hàng hóa nêu trên.

- Nhãn hiệu, tên nhà sản xuất hàng hóa nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải tiêu chuẩn đánh giá, nhà thầu có thể chào hàng hóa của hãng khác có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn các hàng hóa nêu trên về đặc tính kỹ thuật.

1.3. Các yêu cầu khác:

- Cam kết về thu hồi hàng hóa không đủ tiêu chuẩn chất lượng hoặc khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền

- Số lượng cung cấp: Số lượng hàng hoá do Nhà thầu cung cấp theo yêu cầu từng đợt của bên mua

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Khi giao nhận hàng hóa phải tổ chức kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa theo yêu cầu của Hợp đồng đã ký. Trong trường hợp kiểm tra hàng hóa không đạt về kỹ thuật, chất lượng Chủ đầu tư sẽ không chấp nhận và trả về cho bên Nhà thầu ngay tại địa điểm giao hàng, cụ thể như sau:

Tổ chức nghiệm thu hàng hóa:

- Tổ chức nghiệm thu hàng hóa tại địa điểm giao hàng.

- Hàng hoá sẽ được kiểm tra tại địa điểm nhận hàng đến và được Bên mua kiểm tra về số lượng, thông số, tính năng kỹ thuật và tình trạng của hàng hoá.

- Hàng hóa phải được đóng gói, nguyên đai, nguyên kiện kiện theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất;

- Kiểm tra hình dáng, kích thước và các thông số kỹ thuật của hàng hóa nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đặt ra trong hợp đồng thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

- Trong trường hợp Chủ đầu tư có nghi ngờ về chất lượng hàng hóa, hai bên tiến hành thử nghiệm tại một phòng thí nghiệm/ trung tâm kiểm định đạt tiêu chuẩn do Chủ đầu tư chỉ định. Nhà thầu sẽ chịu mọi chi phí thử nghiệm và các chi phí phát sinh khác đồng thời Chủ đầu tư từ chối không nhận hàng hóa.

- Trường hợp hàng hoá nhận được không phù hợp với những quy định của hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và/hoặc nhà thầu sẽ có trách nhiệm cung cấp miễn phí hàng hoá khác cùng với các thủ tục cần thiết để thay thế những hàng hoá không phù hợp đó, trong vòng 10 ngày sau khi nhận được khiếu nại của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ hoàn trả lại số hàng hoá không phù hợp đó theo yêu cầu và bằng chi phí của nhà thầu.

- Trong trường hợp nhà thầu không cung cấp hàng hóa thay thế theo quy định nêu trên thì chủ đầu tư có quyền mua hàng của đơn vị khác để thay thế theo đúng loại hàng hoá ghi trong hợp đồng và nhà thầu phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có.

- Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm: Mọi chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đều do nhà thầu chịu trách nhiệm.

- Sau khi hoàn thành các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa, nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ bộ tài liệu CO, CQ, tờ khai hải quan hợp lệ đúng theo quy định của hợp đồng. Trong trường hợp CO, CQ, Tờ khai hải quan là bản sao y công chứng, nếu Chủ đầu tư có nghi ngờ thông tin chưa rõ ràng thì nhà thầu phải cung cấp bản gốc để đối chiếu. Bộ tài liệu này phải gửi cho Chủ đầu tư trước khi tổ chức nghiệm thu giao nhận hàng hóa. Cụ thể:

+ Tờ khai hải quan: Nhà thầu phải cung cấp tờ khai hải quan bản sao (có thể không thể hiện giá trị hàng hóa) có đóng dấu xác nhận của đơn vị nhập khẩu/Nhà thầu.

+ Tài liệu kỹ thuật.